

Bản án số: 40/2023/HSST

Ngày 24/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đầu Khắc Dinh.

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 223/2022/HSST ngày 16/12/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HS ngày 05/02/2023, đối với bị cáo:

Giang Xuân T: sinh năm 1983 tại quận H, thành phố H; Nơi cư trú: SN 72 Đ, phường Đ, quận H, thành phố H; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: nam; Trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Giang Văn T - sinh năm 1955, con bà: Vũ Thị N - sinh năm 1957; Vợ: Đồng Hải Y - sinh năm 1986 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Phố C, thị trấn V, huyện Thạch T, tỉnh Thanh Hóa.

2/ Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

3/ Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

4/ Anh Chu Ngọc S, sinh năm 1967. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

5/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng: anh Phan Văn B, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Phố C, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 11 năm 2020, Giang Xuân T trú tại thành phố H đến gia đình anh Phan Văn B (sinh năm 1975, trú tại phố C, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) thuê 500m² đất tại thửa số 471B1, tờ bản đồ số 05 của Nông trường V, mục đích xây lò đốt xử lý phế thải với giá 7.000.000đ/tháng. Khi cho thuê đất, anh B không biết T xây lò đốt phế liệu gì và có giấy phép hay không (BL 722, 724, 861, 867, 917). Đến ngày 28/01/2021 thì lò xây xong, đưa vào sử dụng, T đã mua 20 tấn phế liệu, gồm: dây điện, đồng phế liệu, vi mạch điện thoại, vi mạch máy tính... từ các hộ dân mua bán phế liệu nhỏ lẻ tại khu vực thị xã M, tỉnh Hưng Yên về đốt thử. Do không nắm rõ kỹ thuật về đốt phế liệu nên T đã cho dùng lò, tu sửa tiếp, đồng thời T thuê Lu An L (sinh năm 1978, trú tại xã B, huyện T, tỉnh H, Trung Quốc) đến hướng dẫn kỹ thuật, tiền công T trả là 800.000đ/ngày, khi nào cần thì T gọi (BL 912).

Đến đầu tháng 3/2021 lò đốt đã tu sửa ổn định, T tiếp tục cho đốt thử, nhưng khi đốt lò hay bị tắc do công nhân chưa có kinh nghiệm phối trộn phế liệu, thông qua Lu An L, T đã liên hệ và thuê Ge Xi Z (sinh năm 1954, trú tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Q, Trung Quốc) đến hướng dẫn phối trộn phế liệu khi đốt, tiền công Thanh trả là 800.000đ/ngày.

Khi lò đốt ổn định, từ đầu tháng 5/2021 T thuê Nguyễn Duy Đ (sinh năm 1985, trú tại phố C, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) làm phiên dịch, sắp xếp vị trí cho các công nhân làm việc, chi phí phục vụ lò đốt, T trả tiền công cho Đ 13.000.000đ/tháng.

Để vận chuyển phế liệu, chất thải từ các điểm đến lò đốt và ngược lại, T đã trao đổi và thống nhất thuê 02 xe ô tô tải BKS 17C.078.37 và 88C.063.23 của Phạm Văn Đ (sinh năm 1983, trú tại xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) - Giám đốc công ty Đ với giá cước vận chuyển từ các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh về lò đốt là 4.200.000đ, vận chuyển quay về là 2.100.000đ. Sau đó, T đã liên hệ với các khách hàng có nhu cầu đốt phế liệu lấy kim loại đồng để T đốt thuê kiếm tiền với giá 5.000.000đ/tấn, tính cả công vận chuyển; bốc dỡ phế liệu tại lò đốt là 4.000.000đ/tấn (khách hàng tự vận chuyển); nếu có vận chuyển xỉ và thành phẩm về thì tính cước 2.100.000đ.

Từ đầu tháng 02/2021 đến ngày 25/5/2021 T đã đốt với tổng trọng lượng khoảng 222 tấn chất thải, cụ thể: đầu tháng 02/2021 T đã thu mua và đốt 20 tấn chất thải; vào tháng 3, tháng 4 và đầu tháng 5/2021 T nhận đốt phế liệu, chất thải

cho hai người Trung Quốc, T không biết tên, địa chỉ, thông qua giới thiệu của Khúc Văn H (sinh năm 1977, trú tại xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) với tổng trọng lượng khoảng từ 127 tấn; ngày 02 và ngày 03/5/2021 T nhận đốt phế liệu, chất thải cho A người Trung Quốc, T không biết nơi ở với tổng trọng lượng khoảng 40 tấn; đầu tháng 5/2021 T nhận đốt phế liệu, chất thải cho A, T không biết nơi ở với tổng trọng lượng khoảng 35 tấn.

Để đốt tổng số 222 tấn chất thải này, T đã sử dụng 230 tấn vật liệu phụ trợ, gồm: 33 tấn củi khô, 45 tấn đá vôi, 121 tấn than và 33 tấn xi măng. Sau khi đốt, thu được khoảng 55 tấn hợp chất kim loại đồng và thải ra khoảng 400 đến 450 tấn xỉ (BL 913, 922).

Sau mỗi lần đốt, T đã thuê Phạm Văn Đ vận chuyển hợp chất kim loại đồng về cho người thuê đốt và vận chuyển xỉ đi xử lý với giá cước vận chuyển là 2.100.000đ/chuyến. Do xỉ thải còn tồn đọng khoảng từ 10% đến 15% hỗn hợp kim loại nên Đ đã liên hệ với Trịnh Phan T - Giám đốc Công ty N (ở xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên) để nghiên cứu, sau đó dùng sàng rung tận thu hợp chất kim loại. Đ đã yêu cầu Phạm Văn C, (sinh năm 1984, là người được Đ giao quản lý 02 xe ô tô) điều động Chu Ngọc S và Nguyễn Văn K (đều trú tại xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) là người lái xe ô tô thuê cho Đ điều khiển 02 xe ô tô tải BKS 17C.078.37 và 88C.083.23 vận chuyển xỉ đến Công ty N để xử lý. S và K đã vận chuyển được khoảng 36 chuyến, trong đó có 24 chuyến vận chuyển cho Công ty N. Tuy nhiên, qua kiểm tra thấy hàm lượng kim loại thấp, Công ty N không nhận xử lý nên Đ cho ông T làm nguyên liệu sản xuất gạch không nung; 02 chuyến đổ đổi diện với cổng Công ty N; 04 chuyến đổ san lấp ổ gà đường vào khu công nghiệp D (đường vào kho Đ thuê); còn 06 chuyến với tổng khối lượng khoảng 80.000kg, do xỉ lẫn với đất, đá nên Đ yêu cầu vận chuyển đổ tạm vào kho D để tìm công ty khác chuyển quay về lò đốt của T, nơi phát sinh chất thải để tập kết tiếp tục tìm đơn vị có chức năng xử lý. Trong đó, S đã vận chuyển 02 chuyến, K vận chuyển 04 chuyến, đổ trên đồng xỉ vụn khoảng 15m³ và đồng đá 1x2 của ông Phan Văn B trước nhà ở của công nhân (BL 806, 830, 831).

Ngày 26/5/2021, Nguyễn Duy Đ đã thuê Bùi Văn H (trú tại thôn 5, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình); Nguyễn Xuân T (trú tại phường T, thị xã T, tỉnh Ninh Bình); Bùi Văn T (trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa); Nguyễn Văn T và Bùi Minh D (đều trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa); Bùi Văn N và Nguyễn Văn T (đều trú tại thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa); Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T (đều trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa); Lu An L (trú tại xã B, huyện T, tỉnh H, Trung Quốc) và Ge Xi Z (trú tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Q, Trung Quốc). Khi những người này đang vận chuyển phế liệu từ các xe ô tô vào lò đốt thì bị Cục cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường - Bộ Công an phối hợp với các cơ quan chức năng tỉnh Thanh Hóa phát hiện. Qua kiểm tra, tại thửa đất số 471B1, tờ bản đồ số 05 của Nông trường V có 01 lò đốt nằm trong khu vực đồi, núi, cách xa khu dân cư, được xây dựng bằng gạch đất nung, diện tích khoảng 20m², dài khoảng 10m, rộng khoảng 02m, có hai tầng, tầng trên có 03 cửa để đưa chất thải vào lò đốt, tầng dưới có 02 cửa, một cửa ra hợp chất kim loại, một cửa

ra hợp chất hỗn hợp (xi); có hệ thống quạt thông gió, ống xả khói cao 12m, bề nước làm mát gần với lò đốt. Phía Bắc lò đốt là khu nhà ở công nhân, phía Tây lò đốt là đồng than và đá có diện tích khoảng (11x4,5x2,5)m (là đồng vật liệu phụ trợ lò đốt); phía Đông cách cửa ra hợp chất kim loại khoảng 8m, có nhiều hỗn hợp than, xỉ; phía Tây cách lò đốt khoảng 20m (trước nhà ở, cạnh hồ nước) có đồng hỗn hợp than, xỉ, nhựa, đá, kích thước (10x7,5x2,5)m. Tại thời điểm kiểm tra, lò đốt đang hoạt động, không phát sinh nước thải, có phát sinh khí thải nhưng do cấu tạo của ống khói không có điểm quan trắc nên không thu được mẫu khí thải tại lò đốt. Tang vật thu giữ gồm 03 xe ô tô; trong đó có xe ô tô tải BKS 29C.387.16 gắn cần cẩu, đang cẩu các bao tải từ xe ô tô tải BKS 17C.078.37 xuống bãi tập kết; 01 xe ô tô tải BKS 88C.063.23, trên thùng xe chứa các bao tải; 148 bao tải chứa các loại dây điện, nhựa bản mạch điện tử, linh kiện điện tử vụn có tổng trọng lượng 62.370kg của Nguyễn Thị T (trú tại thị xã M, tỉnh Hưng Yên) vận chuyển tập kết để chuẩn bị đưa vào lò đốt; 30 cục kim loại dạng khối có trọng lượng 14.640kg; 02 đồng xỉ thải được đổ phía trước lò đốt và khu nhà ở công nhân; 02 máy phát điện và 01 xe nâng màu cam (BL 34, 35, 39, 198, 199).

Ngày 17/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Thanh Hóa đã thu gom, cân trọng lượng chất thải, xác định đồng chất thải (xỉ) phía sau lò đốt có trọng lượng 54.630kg; đồng chất thải (xỉ lẫn đá 1x2) gần khu nhà ở công nhân có trọng lượng 235.820kg (BL 303-312).

Ngày 27/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định trưng cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường giám định các mẫu vật đã thu được tại lò đốt chất thải của Giang Xuân T.

Ngày 07/12/2021, Trung tâm quan trắc môi trường Miền Bắc - Tổng cục môi trường kết luận (BL 333-335):

- Đầu mẫu dây điện, cuộn kim loại màu hồng là chất thải rắn thông thường có thể tái chế; 30 cục thỏi kim loại là phế phẩm kim loại sau tái chế.

- Đối với các hộp kim loại ép chặt có chứa hỗn hợp thiết bị, linh kiện điện tử và dây điện cắt vụn được chứa trong 25 bao tải Jumbo: theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/5/2015 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, thiết bị, linh kiện điện tử là chất thải nguy hại có ngưỡng ** (hai sao).

- 02 mẫu chất thải (xỉ thải gần cửa ra thành phẩm hợp kim và trước nhà ở, cạnh khu vực hồ nước) là chất thải rắn công nghiệp thông thường, không phải là chất thải nguy hại theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại QCVN 07:2009/BTNMT.

Ngày 12/10/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức thực nghiệm điều tra, xác định: trọng lượng chất thải (xỉ) chứa trên thùng của 02 xe ô tô vận chuyển quay về lò đốt là 13.940kg; trọng lượng của 1m³ chất thải (xỉ) là 1.319,5kg (BL 538, 539).

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của những người liên quan, với các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận: từ tháng 02/2021 đến đầu tháng 5/2021 đã đốt phế liệu của mình và đốt thuê cho 04 người Trung Quốc với trọng lượng là 222 tấn chất thải, thải ra môi trường từ 400 đến 450 tấn chất thải (xỉ). Tuy nhiên, quá trình điều tra không có tài liệu nào xác định được loại chất thải mà Thanh đã đốt là chất thải gì, số lượng xỉ thải mà T đã thuê Phạm Văn Đ vận chuyển ra tỉnh Hưng Yên là bao nhiêu. Kết quả điều tra chỉ xác định được đồng xỉ tập kết phía trước của lò ra sản phẩm có trọng lượng là 54.630kg và đồng xỉ lẫn đá 1x2 trước nhà ở của công nhân có trọng lượng là 235.820kg (trong đồng xỉ này có 19.792kg xỉ vụn của anh B đã thu gom và 06 chuyến xỉ thải Chu Ngọc S, Nguyễn Văn K vận chuyển quay về lò đốt có trọng lượng 83.640kg), còn lại là đất, đá. Như vậy, thông qua việc đốt chất thải, Giang Xuân T đã đổ, thải ra môi trường chất thải rắn thông thường trái pháp luật với trọng lượng là 150.062kg.

Về hành vi của những người liên quan:

- Đối với Nguyễn Thị T đã vận chuyển đến lò đốt của Giang Xuân T 44.480kg chất thải rắn công nghiệp và 17.890kg chất thải nhựa nguy hại. Tuy nhiên, tất cả các chất thải này T và T mới vận chuyển tập kết để chuẩn bị đưa vào lò đốt, chưa chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường nên chưa cấu thành tội phạm.

- Đối với Phan Văn B là người cho Giang Xuân T thuê đất để xây lò đốt phế liệu, là người thu gom 15m³ xỉ vụn có trọng lượng 19.792kg đổ lên đồng đá 1x2 trước khu nhà công nhân ở. Tuy nhiên, khi cho thuê đất anh B không biết T không có giấy phép, số lượng xỉ vụn anh B thu gom chưa đủ trọng lượng. Vì vậy, hành vi của anh B không cấu thành tội phạm.

- Đối với Bùi Văn H, Nguyễn Xuân T, Bùi Văn T, Nguyễn Văn T, Bùi Minh D, Bùi Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T được Nguyễn Duy Đ thuê đốt chất thải cho T. Tuy nhiên, khi tham gia đốt chất thải không biết lò đốt của T không có giấy phép, không tham gia đốt chất thải thường xuyên. Số xỉ thải đổ trước khu nhà ở công nhân và số xỉ thải đổ phía sau lò đốt, những người này không biết từ đâu mà có nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với Lu An L và Ge Xi Z được T thuê hướng dẫn kỹ thuật mỗi khi lò đốt bị hỏng, không tham gia đốt chất thải. Khi hướng dẫn, Lu An L và Ge Xi Z không biết lò đốt của Giang Xuân T không có giấy phép và không có căn cứ xác định được trọng lượng số xỉ thải đổ phía sau lò đốt và số xỉ thải trước nhà ở công nhân có phải do Lu An L và Ge Xi Z hướng dẫn các công nhân đốt chất thải, thải ra môi trường trái pháp luật hay không để xem xét xử lý.

- Đối với Nguyễn Duy Đ được Giang Xuân T thuê làm phiên dịch, sắp xếp vị trí cho các công nhân làm việc, chi phí phục vụ lò đốt, gọi thuê xe cẩu phế liệu, chấm công, được T trả tiền công 13.000.000đ/tháng từ đầu tháng 5/2021. Tuy nhiên, khi đến làm Đ đã thấy đồng xỉ đổ phía sau lò đốt và đồng xỉ đổ trước nhà ở công nhân nên không có cơ sở xem xét xử lý.

- Đối với Phạm Văn Đ, Phạm Văn C, Chu Ngọc S và Nguyễn Văn K là những người được T thuê vận chuyển xỉ đi xử lý, trong đó có 06 chuyến với tổng trọng lượng 83.640kg, do xỉ lẫn với đất, đá, than, gạch vỡ công ty N không nhận nên Đ yêu cầu S và K vận chuyển quay về đổ tại lò đốt, là nơi phát sinh chất thải để tập kết tiếp tục vận chuyển đi xử lý. Quá trình điều tra không có căn cứ xác định được tổng trọng lượng chất thải, loại chất thải mà Giang Xuân T đã đốt và đã phát sinh ra bao nhiêu trọng lượng xỉ và cũng không có căn cứ xác định trọng lượng xỉ thải mà Giang Xuân T đã thuê Phạm Văn Đ vận chuyển ra tỉnh Hưng Yên xử lý. Ông Trịnh Ngọc T - Giám đốc Công ty N khai công ty N từ trước đến ngày 26/5/2021 không ký hợp đồng mua bán xỉ thải với công ty Đ nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Về tang vật của vụ án:

- Đối với 62.370kg dây điện các loại, nhựa bản mạch điện tử, linh kiện điện tử vụn... thu của các đối tượng đã tập kết tại lò đốt của Giang Xuân T. Đây là những chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại nhưng chưa cấu thành tội "Gây ô nhiễm môi trường". Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Sở tài nguyên môi trường xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với 03 xe ô tô gồm: 01 xe tải gắn cần cẩu BKS 29C 387.16; 01 xe ô tô tải BKS 88C 063.23 và 01 xe ô tô tải BKS 17C 078.37 thu tại hiện trường. Quá trình điều tra đã làm rõ 03 chiếc xe này không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 máy phát điện nhãn hiệu CUMMINS đã qua sử dụng; 01 máy phát điện nhãn hiệu DEUTS đã qua sử dụng và 01 xe nâng nhãn hiệu HELI đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, xác định ông Phạm Anh V trú tại thành phố Ninh Bình và ông Trần Văn P trú tại huyện N, tỉnh Ninh Bình khi cho T thuê không biết T dùng để đốt chất thải trái phép, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

- Đối với 30 cục kim loại dạng khối, có trọng lượng 14.640kg T đã bán cho anh Nguyễn Xuân P (trú tại thị xã M, tỉnh Hưng Yên). Quá trình điều tra không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh P là phù hợp.

- Đối với 290.450kg chất thải là vật chứng của vụ án, hiện đang được bảo quản tại kho của Công ty cổ phần môi trường N cần chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để chờ giải quyết theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS-P3 ngày 16/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Giang Xuân T về tội "Gây ô nhiễm môi trường" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 235 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm g khoản 1 Điều 235; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt: Giang Xuân T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy 290.450kg chất thải thu giữ trong vụ án (trong đó có 150.062kg chất thải rắn thông thường bị cáo đã đổ, thải ra môi trường trái pháp luật, số còn lại là chất thải lẫn đất, đá 1x2).

Tại phiên tòa, bị cáo nhận tội, không có ý kiến tự bào chữa và tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa; Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Vì động cơ tư lợi cá nhân, từ tháng 02/2021 đến tháng 5/2021 mặc dù không được cấp phép xây dựng lò đốt chất thải theo quy định pháp luật, nhưng bị cáo đã tự ý xây lò đốt chất thải tại Nông trường V, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, sau đó mua phế liệu gồm dây điện, vi mạch điện thoại, vi mạch máy tính... đồng thời liên hệ với các khách hàng có nhu cầu đốt phế liệu lấy kim loại để thu tiền kiếm lời. Trong quá trình đốt chất thải, bị cáo đã đổ, thải ra môi trường 150.062kg chất thải rắn thông thường trái pháp luật.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi đổ, thải ra môi trường 150.062kg chất thải rắn thông thường trái pháp luật của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Gây ô nhiễm môi trường" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 235 BLHS, như Cáo trạng truy tố và luận tội của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái, gây ô nhiễm không khí xung quanh, làm tổn hại đến sức khỏe con người, nên cần phải xử lý nghiêm minh theo pháp luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Sau khi phạm tội đã nhận ra sai phạm của mình, quyết tâm sửa chữa sai lầm. Địa điểm bị cáo đốt lò xử lý chất thải cách xa khu dân cư nên hạn chế được tác hại đối với sức khỏe, môi trường sống của nhân dân. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú rõ ràng ổn định; ngoài lần vi phạm này không có vi phạm gì khác, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú và có đủ điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm chung. Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền nơi cư trú và gia đình cũng đủ sức giáo dục cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: đối với 290.450kg chất thải thu giữ trong vụ án (trong đó có 150.062kg là chất thải rắn thông thường bị cáo đã đổ, thải ra môi trường trái pháp luật, số còn lại là chất thải lẫn đất, đá 1x2) không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm g khoản 1 Điều 235; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 47 BLHS. Điều 106; Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên bố: bị cáo Giang Xuân T phạm tội "Gây ô nhiễm môi trường".

Xử phạt: Giang Xuân T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Giang Xuân T cho UBND phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên.

Về vật chứng: tịch thu tiêu hủy 290.450kg chất thải thu giữ trong vụ án, (trong đó có 150.062kg chất thải rắn thông thường bị cáo đã đổ, thải ra môi trường, số còn lại là chất thải lẫn đất, đá 1x2), theo biên bản giao nhận vật chứng số 75/2023/TV-CTHADS ngày 16/02/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Thanh Hóa với Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- THAHS, THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Người tham gia tố tụng ;
- Tổ HC-TP TAT;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Hà